

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 12/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07 – 4 – 2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Ngọc Huỳnh

2. Bà Trịnh Thị Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Nguyên – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2021 tại phòng xử án, Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 533/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Hoàng N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải chị Võ Thị Hoàng N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Lê Văn T quen biết, tìm hiểu và có nguyện vọng kết hôn với nhau. Chúng tôi kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 02/06/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống không hạnh phúc nên khoảng 04 tháng sau đó tôi đã về nhà mẹ đẻ để sinh sống. Quá trình chung sống

vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn do chồng tôi ham chơi, rượu chè, cờ bạc, thường xuyên xúc phạm tôi. Sau đó tôi phát hiện chồng tôi ngoại tình và yêu cầu ly hôn với tôi. Do đó vợ chồng tôi đã sống ly thân với nhau được hơn 04 năm. Nay tôi thấy cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng sống ly thân và không còn quan tâm, chăm sóc nhau nên tôi có nguyện vọng được ly hôn với anh Lê Văn T.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng tôi có một con chung là cháu Lê Vũ Khánh A, sinh ngày 12/01/2016. Tôi có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tôi không có tài sản chung và công nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Văn T không đến tòa án làm việc, nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn anh Lê Văn T.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

-Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán, thư ký chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị Hoàng N được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Giao cháu Lê Vũ Khánh A, sinh ngày 12/01/2016 cho chị Võ Thị Hoàng N nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Võ Thị Hoàng N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Hoàng N không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Võ Thị Hoàng N đề ngày 16/12/2020, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc xác định quan hệ pháp luật “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm chị Võ Thị Hoàng N làm đơn khởi kiện, bị đơn anh Lê Văn T cư trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về chấp hành quy định pháp luật: Sau khi thụ lý vụ án, do không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn T, Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng là đảm bảo việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh Lê Văn T không tham gia tố tụng cũng như không có mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên hoà giải là từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa lần thứ nhất anh Lê Văn T vắng mặt, nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa cho anh Lê Văn T. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Lê Văn T vắng mặt không có lý do. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo đúng quy định pháp luật.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Hoàng N và anh Lê Văn T chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn vào ngày 02/6/2015 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Vũ Khánh A, sinh ngày 12/01/2016. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống bất đồng nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2015 cho đến nay. Quá trình tham gia tố tụng chị Võ Thị Hoàng N xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Anh Lê Văn T không có mặt tại Tòa án để trình bày quan điểm của mình.

Kết quả xác minh, chính quyền địa phương cung cấp: Mặc dù chính quyền địa phương không nắm rõ nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Võ Thị Hoàng N và anh Lê Văn T, vì anh chị không khai báo với chính quyền địa phương. Tuy nhiên, chính quyền địa phương xác định chị Nhi và anh Thịnh không còn chung sống với nhau, chị Nhi đã đưa con về nhà bố mẹ ruột sinh sống và hai vợ chồng sống ly thân từ lâu.

Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình quy định:

“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.”

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị Võ Thị Hoàng N và anh Lê Văn T đã đến mức trầm trọng, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2015 cho tới nay mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình, chị Võ Thị Hoàng N xác định tình cảm không còn và kiên quyết xin ly hôn.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Hoàng N và anh Lê Văn T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Võ Thị Hoàng N, cho chị Võ Thị Hoàng N được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị Võ Thị Hoàng N và anh Lê Văn T có 01 con chung là cháu Lê Vũ Khánh A, sinh ngày 12/01/2016, cháu An đang ở với chị Nhi từ khi sinh ra đến nay. Chị Võ Thị Hoàng N có nguyện vọng, sau khi ly hôn xin được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu An cho đến lúc cháu trưởng thành. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Văn T cũng không có mặt để xác định nguyện vọng của anh về việc nuôi dưỡng con chung. Quá trình xác minh tại địa phương, cán bộ quản lý Nhà nước về trẻ em xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk cho ý kiến: Hiện nay cháu Lê Vũ Khánh A, sinh ngày 12/02/2016 còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn, nên đề nghị Tòa án giao con cho chị Võ Thị Hoàng N nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc giao con cho ai trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau khi vợ chồng ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của cháu bé. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Lê Vũ Khánh A, sinh ngày 12/01/2016 cho chị Võ Thị Hoàng N nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Võ Thị Hoàng N không yêu cầu anh Lê Văn T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Võ Thị Hoàng N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Võ Thị Hoàng N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử cần chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Võ Thị Hoàng N được ly hôn với anh Lê Văn T.

Về con chung: Giao cháu Lê Vũ Khánh A, sinh ngày 12/01/2016 cho chị Võ Thị Hoàng N nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu An tròn 18 tuổi.

Anh Lê Văn T được quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên anh Lê Văn T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung và cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Võ Thị Hoàng N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Võ Thị Hoàng N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Võ Thị Hoàng N phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0017711 ngày 16/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn chị Võ Thị Hoàng N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Lê Văn T được quyền kháng cáo bản

án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Pắc;
- THADS huyện K;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã E;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Thu Hà